

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST  
Ngày: 23 - 6 - 2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Hường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Võ Thành Phước.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLST-DS, ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Mộng D, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Bị đơn:**

+ Ông Trần Văn T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

+ Bà Võ Thị L, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Mộng D trình bày:

Vào ngày 27/6/2020 ông Nguyễn Mộng D có hợp đồng bán thuốc thủy sản cho ông Trần Văn T cùng vợ bà Võ Thị L nuôi tôm. Theo hợp đồng thì ông D sẽ

giao thuốc thủy sản cho ông T, bà L nuôi tôm đến khi ông T, bà L thu hoạch tôm thì trả đủ tiền cho ông D. Khi hợp đồng thì hai bên không có làm “hợp đồng mua bán” nhưng ông D có mở sổ theo dõi giao nhận hàng, khi ông D giao hàng thì ông T, bà L ký nhận vào sổ do ông D quản lý. Sau khi hợp đồng theo yêu cầu của ông T, bà L thì ông D đã giao đầy đủ thuốc thủy sản cho ông T, bà L nuôi tôm, nhưng đến khi thu hoạch tôm thì ông T, bà L không trả tiền cho ông D theo hợp đồng. Đến ngày 16/3/2021 giữa ông D với ông T, bà L kết sổ thì ông T, bà L nợ ông D số tiền 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng), có làm “Biên bản xác nhận công nợ” giao cho ông D và có thỏa thuận kể từ ngày kết sổ xác nhận công nợ thì ông T, bà L thống nhất chịu lãi suất với mức lãi suất tự nguyện là 03%/tháng, nhưng sau khi chốt sổ xác nhận công nợ tiền thuốc thủy sản thì ông T, bà L không có trả tiền gốc cũng như không trả tiền lãi theo thỏa thuận cho ông D, nên ông D có yêu cầu trả nợ nhiều lần thì ông T, bà L chỉ hẹn chứ không trả tiền cho ông D.

Nay ông Nguyễn Mộng D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị L, ông Trần Văn T phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông D số tiền mua thuốc thủy sản nuôi tôm tiền gốc là 58.000.000 đồng và tiền lãi suất theo lãi suất Nhà nước quy định kể từ ngày 26/3/2021 đến ngày Tòa án xét xử, yêu cầu ông T, bà L trả đủ 01 lần trong thời gian 30 ngày và yêu cầu tính tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là 01%/tháng cho đến khi ông T, bà L thanh toán xong số tiền.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Vào năm 2020 ông Nguyễn Mộng D có hợp đồng mua bán thuốc thủy sản nuôi tôm cho ông T, bà L. Khi mua bán có mở sổ theo dõi với nhau. Theo hợp đồng sau khi thu hoạch tôm thì ông T, bà L sẽ trả đủ tiền cho ông D 01 lần. Nếu ông T, bà L không trả hoặc trả không đủ 01 lần thì số tiền nợ còn lại ông T, bà L và ông D thỏa thuận phải chịu lãi với lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng. Quá trình mua bán diễn ra nhiều lần, đến ngày 16/3/2021 hai bên có tổng kết nợ trên sổ mua bán ông T, bà L thừa nhận còn nợ ông D số tiền là 58.000.000 đồng, nhưng ông T, bà L không có tiền trả cho ông D.

Ông T thừa nhận tính đến ngày 26/3/2021, ông T, bà L còn nợ ông D số tiền gốc là 58.000.000 đồng và ông T, bà L thống nhất hoàn trả cho ông D số tiền gốc 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng), nhưng do hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, nên ông T, bà Loan xin ông D cho ông T, bà L trả dần mỗi năm là 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*), trả đến khi nào hết nợ, tiền lãi ông T không đồng ý trả cho ông D.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị L trình bày: Vào năm 2020 ông Nguyễn Mộng D có hợp đồng mua bán thuốc thủy sản nuôi tôm cho bà L, ông T. Khi mua bán có mở sổ theo dõi với nhau. Theo hợp đồng sau khi thu hoạch tôm thì bà L, ông T sẽ trả đủ tiền cho ông D 01 lần. Nếu bà L, ông T không trả hoặc trả không đủ 01 lần thì số tiền nợ còn lại bà L, ông T và ông D thỏa thuận phải chịu lãi với lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng. Quá trình mua bán diễn ra nhiều lần, đến ngày 26/3/2021 hai bên có tổng kết nợ trên sổ mua

bán, bà L và ông T thừa nhận còn nợ ông D số tiền là 58.000.000 đồng, nhưng bà L, ông T không có tiền trả cho ông D.

Bà L thừa nhận tính đến ngày 26/3/2021 bà L, ông T còn nợ ông D số tiền gốc là 58.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh từ ngày 26/3/2021 cho đến ngày giải quyết xong vụ án theo Nhà nước quy định và bà L, ông T thống nhất hoàn trả cho ông D số tiền gốc 58.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/3/2021 cho đến ngày giải quyết xong vụ án theo Nhà nước quy định, nhưng do hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, nên bà L, ông T xin ông D cho bà L, ông T trả dần mỗi năm là 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*), đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Mộng D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị L, ông Trần Văn T phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông D số tiền mua thuốc thủy sản nuôi tôm tiền gốc là 58.000.000 đồng, không D không yêu cầu bà L, ông T trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 25/6/2021, ông Nguyễn Mộng D yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán đối với bị đơn ông Trần Văn T, bà Võ Thị L cư trú tại ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Văn T, bà Võ Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông T, bà L vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bị đơn. Tòa án tiến hành lấy lời khai ông T, bà L thống nhất xác định là có việc

ông T, bà L có mua thuốc thủy sản nuôi tôm của ông Nguyễn Mộng D và còn nợ lại số tiền gốc là 58.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 16/3/2021, nhưng do hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, nên ông T và bà L xin ông D cho ông T, bà L trả dần mỗi năm là 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*), đến khi trả hết nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện nguyên đơn không cần phải chứng minh.

[4]. Theo trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Mộng D khi hai bên tiến hành hợp đồng mua bán thuốc thủy sản nuôi tôm thì thỏa thuận khi thu hoạch tôm sẽ trả tiền. Khi mua bán nguyên đơn ông Nguyễn Mộng D đã giao đủ thuốc thủy sản nuôi tôm cho bị đơn và bị đơn ông Trần Văn T, bà Võ Thị L đã nhận xong, nhưng không thanh toán tiền đầy đủ cho bên bán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 434 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trần Văn T, bà Võ Thị L phải trả tiền mua thuốc thủy sản nuôi tôm của ông D là 58.000.000 đồng và tiền lãi xuất theo thỏa thuận trong hợp đồng theo quy định tại Điều 289 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, vợ chồng ông T, bà L phải liên đới trả số tiền nợ mua thuốc thủy sản nuôi tôm cho nguyên đơn ông Nguyễn Mộng D theo quy định tại các điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Mộng D thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông Trần Văn T, bà Võ Thị L trả số tiền lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông D là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến của ông Trần Văn T, bà Võ Thị L xin trả dần mỗi năm 6.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn T và bà Võ Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 357, Điều 430, khoản 3 Điều 434; Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mộng D. Buộc ông Trần Văn T, bà Võ Thị L liên đới trả cho ông D số tiền là 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng).

2. Về chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn T và bà Võ Thị L phải chịu 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Mộng D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.450.000 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009013 ngày 25/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Mộng D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Trần Văn T, bà Võ Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Nguyễn Chí Hường**